



## ĐÁNH GIÁ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP TẠI AN GIANG 2017 - 2018

Trần Thị Út<sup>1</sup>, Huỳnh Thanh<sup>2</sup>, Nguyễn Hữu Trí<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Trường Đại học Hoa Sen

<sup>2</sup>Trường Đại học Thủ Dầu Một

<sup>3</sup>Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 11/10/2019

Ngày nhận kết quả bình duyệt:  
14/02/2020

Ngày chấp nhận đăng:  
06/2020

### Title:

The assessment of  
entrepreneurial ecosystem  
2017 - 2018 in An Giang  
province

### Keywords:

Entrepreneurship,  
entrepreneurial ecosystem,  
GEM

### Từ khóa:

Khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi  
nghiệp, GEM

### ABSTRACT

*This paper aims to measure the entrepreneurial ecosystem in An Giang province, Vietnam. It is based on the methodology of Global Entrepreneurship Research Association (GERA) in measuring Global Entrepreneurship Monitor (GEM). Primary data were gathered from surveys of 36 provincial experts and 450 adult population in An Giang in October and November, 2017. The results showed that the ratio of Total Early-stage Entrepreneurial Activity (TEA) in An Giang province is higher than that of TEA of Vietnam, however, the motivation to start up was lower than that of Viet Nam data. This is the same with the potential in start up of adult people. The 2 hardest barriers of entrepreneur environment, regarding the experts' evaluation, are related to finance and business education at secondary school.*

### TÓM TẮT

*Mục tiêu của bài viết nhằm phân tích hệ sinh thái khởi nghiệp tại An Giang. Khảo sát này dựa trên cách tiếp cận đánh giá hệ số khởi nghiệp toàn cầu GEM (Global Entrepreneurship Monitor) từ Hiệp hội Nghiên cứu Khởi nghiệp Toàn cầu GERA (Global Entrepreneurship Research Association). Nguồn dữ liệu ban đầu được thu thập từ 36 chuyên gia và 450 người trưởng thành trong toàn tỉnh An Giang. Kết quả phân tích chỉ ra tỉ lệ trong giai đoạn đầu khởi nghiệp của An Giang ở mức cao hơn trung bình cả nước, nhưng động cơ để bắt đầu khởi sự là điểm bất lợi. Điều này cũng tương tự với tiềm năng khởi nghiệp trong tương lai của người trưởng thành. Riêng đánh giá của chuyên gia An Giang thì cản ngại lớn nhất đến môi trường khởi nghiệp hiện nay tập trung vào hai trụ cột liên quan đến tài chính và giáo dục kinh doanh ở bậc phổ thông.*

## 1. GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, hệ sinh thái khởi nghiệp đã được nhiều học giả nghiên cứu dưới dạng khái quát hóa (Alvedalen and Boschma,

2017; Roundy, Bradshaw and Brockman, 2018; Malecki, 2018). Thuật ngữ hệ sinh thái khởi nghiệp được hiểu theo nhiều quan điểm khác nhau tùy theo cách tiếp cận. Chẳng hạn, Stam (2015) đưa ra khái niệm hệ sinh thái khởi nghiệp “là một

sự tổng hòa của các chủ thể và nhân tố phụ thuộc lẫn nhau liên kết lại bằng một cách nào đó để thực hiện khởi nghiệp”. Cụ thể hơn, quan điểm của Mason and Brown (2014) cho rằng hệ sinh thái khởi nghiệp là một tập hợp kết nối qua lại (chính thức và phi chính thức) giữa ba thành phần gồm chủ thể khởi nghiệp (tiềm năng và hiện tại), tổ chức khởi nghiệp (doanh nghiệp, nguồn vốn đầu tư mạo hiểm, các ngân hàng...) và các cơ quan (trường đại học, cơ quan nhà nước...) để tiến hành quá trình khởi nghiệp (tỉ lệ thành lập doanh nghiệp mới, số lượng doanh nghiệp tăng trưởng cao...) trong phạm vi môi trường khởi nghiệp tại địa phương. Trong khi đó, Acs, Szerb and Lloyd (2017) nhấn mạnh chủ thể khởi nghiệp là “trái tim của hệ thống”, những người khởi nghiệp thường tự bị chi phối bởi thái độ, khả năng và tinh thần bên cạnh các yếu tố vĩ mô khác. Như vậy, những quan điểm này nhìn nhận hệ sinh thái khởi nghiệp theo nhiều góc độ, bao quát và hệ thống.

Trong bài viết này, hệ sinh thái khởi nghiệp được phân tích dựa trên khung tiếp cận đo lường hệ số khởi nghiệp toàn cầu (Global Entrepreneurship Monitor - GEM) của Hiệp hội Nghiên cứu Khởi nghiệp Toàn cầu (Global Entrepreneurship Research Association - GERA). Với góc đo đa chiều, báo cáo về GEM năm 2017-2018 đã có sự tham gia của 54 nền kinh tế toàn cầu, chiếm 86,0% GDP và 67,8% dân số thế giới (GERA, 2018, p.20). Theo Acs, Desai and Klapper (2008), GEM có lợi thế đánh giá tiềm năng khởi nghiệp hơn so với bộ đánh giá khác. Cách tiếp cận này không chỉ đánh giá được môi trường vĩ mô (thông qua các chuyên gia) và cả bản thân của những người trong cuộc (thông qua người trưởng thành).

Việt Nam tham gia vào GEM từ năm 2013 và đến 2017-2018 tỉnh An Giang được chọn đại diện để đánh giá hệ số khởi nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam. Mục tiêu chính của bài viết này nêu lên hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh An Giang đứng trên quan điểm về khởi nghiệp từ các chuyên gia có liên quan và của người trưởng thành trong tỉnh.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Tiếp cận đo lường hệ sinh thái khởi nghiệp GEM

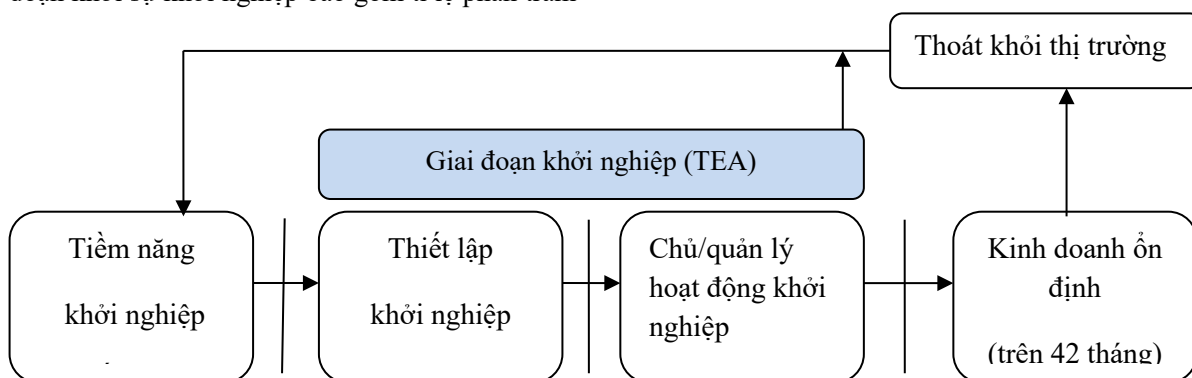
Bắt đầu từ năm 1999, GEM như là một dự án giữa 2 trường Đại học Babson College (Mỹ) và London Business School (Anh) nhằm tìm hiểu tại sao một số quốc gia lại có nhiều người khởi nghiệp hơn các quốc gia khác. Hàng năm, GERA công bố về hệ số khởi nghiệp toàn cầu - GEM. Qua đó, hệ số khởi nghiệp từng quốc gia được đánh giá dựa trên hai khía cạnh: (i) Hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia dựa trên khảo sát tối thiểu từ 36 chuyên gia trở lên trên 9 lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế (NES: National Expert Surveys) và (ii) Tiềm năng khởi nghiệp của người dân dựa trên đánh giá tối thiểu 2.000 người trưởng thành (APS: Adult Population Surveys) có độ tuổi từ 18 đến 64 (Kelly, Singer and Herrington, 2016).

NES chủ yếu đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp của một quốc gia như: Chính sách, tài chính, văn hóa, dịch vụ hỗ trợ, vốn nhân lực, thị trường... thông qua các phát biểu của các chuyên gia có liên quan và được lượng giá bằng thang đo Likert gồm 9 mức độ, với mức độ 1: hoàn toàn sai và mức độ 9: hoàn toàn đúng. Với thang đo này, điểm 5 chính là điểm trung bình, nói một cách khác nếu chuyên gia nhận định ở điểm này nghĩa là mang mức độ trung tính. Thông qua 54 câu phát biểu nhằm lượng giá 9 trụ cột hệ sinh thái khởi nghiệp: (1) Tài chính cho kinh doanh - gồm 8 phát biểu; (2) Các chính sách của chính phủ gồm 2 nhóm: (2a) Chính sách hỗ trợ của chính phủ - gồm 03 phát biểu; (2b) Thuế và thủ tục hành chính - gồm 04 phát biểu; (3) Chương trình của chính phủ - gồm 06 phát biểu; (4) Giáo dục và đào tạo gồm 2 nhóm. (4a) Giáo dục kinh doanh bậc phổ thông - gồm 03 phát biểu; (4b) Giáo dục kinh doanh bậc sau phổ thông - gồm 03 phát biểu; (5) Chuyển giao công nghệ - gồm 06 phát biểu; (6) Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh - gồm 05 phát biểu; (7) Độ mở của thị trường trong nước gồm 2 nhóm (7a) Năng động thị trường nội địa - gồm 03 phát biểu; (7b) Độ mở của thị trường nội địa - gồm 03

phát biểu; (8) Cơ sở hạ tầng - gồm 05 phát biểu; (9) Văn hóa và chuẩn mực xã hội - gồm 05 phát biểu.

APS đo lường tiềm năng khởi nghiệp đến giai đoạn đầu của khởi nghiệp (TEA: Total Early - stage Entrepreneurial Activity - qui trình tính xem phụ lục 1). Cụ thể, tiềm năng kinh doanh được đo lường qua nhận thức về (i) năng lực (kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm), (ii) cơ hội kinh doanh khu vực sinh sống và (iii) rủi ro (sợ thất bại), (iv) tiềm năng tham gia kinh doanh trong 3 năm tới. Giai đoạn khởi sự khởi nghiệp bao gồm tỉ lệ phần trăm

TEA, động cơ kinh doanh (i) vì nhu cầu thiết yếu hay vì không có cơ hội nào tốt hơn và ngược lại, (ii) vì tận dụng cơ hội, độc lập hơn và tăng thu nhập. Như vậy, hệ số GEM được đo lường qua sử dụng một số câu hỏi chính như người trưởng thành nhận thấy cơ hội kinh doanh tại nơi sinh sống cũng như bản thân nhìn nhận có đủ kiến thức - kỹ năng - kinh nghiệm để bắt đầu kinh doanh hay không và mức độ chấp nhận rủi ro khi tiến hành kinh doanh như thế nào (Hình 1). Về văn hóa thì các câu hỏi liên quan đến xã hội nhìn nhận đến kinh doanh như thế nào.



Hình 1. Quá trình khởi nghiệp

Nguồn: GERA, 2018, trang 22

### Dữ liệu hệ sinh thái khởi nghiệp tại An Giang

Nghiên cứu này sử dụng bộ “bảng hỏi các chuyên gia” và bộ “bảng hỏi người trưởng thành” về lượng giá chỉ số khởi nghiệp toàn cầu, GEM từ tổ chức GERA (nhóm nghiên cứu hợp tác với phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam - VCCI) để đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp và tiềm năng khởi nghiệp tỉnh An Giang. NES được đánh giá qua 36 chuyên gia địa phương, phụ trách chuyên ngành đại diện được 9 trụ cột hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh An Giang, mỗi trụ cột có tối thiểu 4 chuyên gia lượng giá theo đúng mẫu toàn cầu (danh sách và thành phần chuyên gia cũng được tham khảo sự đồng thuận của tổ chức GERA thông qua VCCI). Tương tự, APS khảo sát quan điểm của người trưởng thành về tiềm năng khởi nghiệp cũng được lựa chọn từ vùng nghiên cứu theo các đặc điểm nhân khẩu đại diện được cho An Giang phù hợp với yêu cầu từ GERA. APS

được khảo sát qua người trưởng thành với độ tuổi từ 18 đến 64 từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2017. Bài viết cũng so sánh hoạt động khởi nghiệp của An Giang với dữ liệu 5 tỉnh thành được nghiên cứu cùng kỳ của Việt Nam (gồm 1.668 mẫu đại diện cho thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Đà Nẵng, Hà Nội và Thái Nguyên).

## 3. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP TẠI AN GIANG

### 3.1 Mô tả chung

Đối với dữ liệu thu thập từ người trưởng thành tại An Giang, đối tượng khảo sát có tỉ lệ độ tuổi trung bình 36 tuổi (độ lệch chuẩn = 13,8), tương đương với độ tuổi trung bình của các vùng nghiên cứu khác tại Việt Nam. Tuy nhiên, trình độ học vấn và thu nhập hàng năm của hộ có sự khác biệt giữa An Giang và Việt Nam (VN). Tại An Giang, trình độ học vấn thấp hơn trình độ học vấn chung của các điểm nghiên cứu GEM toàn VN. Nhóm có

trình độ từ trung học cơ sở trở xuống tại An Giang chiếm tỷ lệ cao hơn nhóm cùng trình độ này của VN (45,3% so với 18,5%) trong khi nhóm học vẫn có trình độ trung học phổ thông tại An Giang lại có tỷ lệ thấp hơn nhóm đối tượng nghiên cứu

cùng trình độ của toàn VN (20,5% so với 26,5%). Tương tự, nhóm có trình độ đại học và trên đại học của An Giang đều thấp hơn nhóm nghiên cứu toàn VN.

**Bảng 1. Đặc điểm mẫu điều tra người trưởng thành tại An Giang và Việt Nam**

Đặc điểm	An Giang		Việt Nam	
	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
<b>Giới tính</b>				
Nam	184	40,9	848	50,8
Nữ	266	59,1	820	49,2
<b>Độ tuổi</b>				
Từ 18 đến 24	125	27,8	384	23,0
Từ 25 đến 34	88	19,6	458	27,5
Từ 35 đến 44	98	21,8	358	21,5
Từ 45 đến 54	74	16,4	319	19,1
Từ 55 đến 64	65	14,4	149	8,9
<b>Thu nhập hàng năm của hộ</b>				
Dưới 25 triệu đồng	21	4,7	38	2,3
Từ 25 đến dưới 50 triệu đồng	59	13,3	112	6,8
Từ 50 đến dưới 100 triệu đồng	134	30,2	259	15,7
Từ 100 đến dưới 150 triệu đồng	97	21,8	403	24,4
Từ 150 đến dưới 200 triệu đồng	64	14,4	412	25,0
Trên 200 triệu đồng	69	15,5	427	25,9
<b>Trình độ</b>				
Tiểu học	102	23,0	75	4,5
Trung học cơ sở	99	22,3	233	14,0
Trung học phổ thông	91	20,5	442	26,5
Trung cấp/Cao đẳng	21	4,7	338	20,3
Đại học	131	29,5	533	32,0
Trên đại học			46	2,8
<b>Tổng</b>	<b>450</b>		<b>1668</b>	

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp*

Mức thu nhập bình quân hộ của nhóm hộ thu thấp thông tin tại An Giang cũng thấp hơn mức thu nhập bình quân hộ của nhóm đối tượng chung toàn VN. Bảng 1 cho thấy mức thu nhập thấp từ

50 triệu đến dưới 100 triệu thì An Giang cao hơn nhóm toàn VN (48,3% so với 28,8%), nhưng ở mức thu nhập cao từ 100-150 triệu và từ 150-200 triệu thì nhóm An Giang vẫn thấp hơn nhóm cả

nước VN (21,8% so với 24,4% và 13,4 % so với 25%). Điều này cho thấy về tình hình kinh tế, văn hoá, An Giang thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

Nhóm chuyên gia khảo sát (NES) đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp tại An Giang có 25% là nữ và

75% là nam, độ tuổi trung bình 45,6 và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực chính là 15,5 năm bao gồm các lĩnh vực: Đầu tư, tài chính, ngân hàng, nhà chính sách, nhà nghiên cứu, nhà giáo dục và doanh nhân (Bảng 2).

**Bảng 2. Thành phần chuyên gia khảo sát phân theo nhân khẩu và lĩnh vực chuyên môn**

<b>Đặc điểm</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Giới tính</b>		
Nữ	9	25,0
Nam	27	75,0
<b>Trình độ</b>		
Cao đẳng/Đại học	18	50,0
Thạc sỹ/Tiến sỹ	18	50,0
<b>Độ tuổi</b>		
Từ 28-40 tuổi	12	33,3
Từ 41-50 tuổi	14	38,9
Từ 51-60 tuổi	8	22,2
Trên 61 tuổi	2	5,6
<b>Số năm kinh nghiệm</b>		
Từ 2-9 năm	9	25,0
Từ 10-20 năm	19	52,8
Từ 21-30 năm	4	11,1
Trên 30 năm	4	11,1
<b>Hoạt động chính</b>		
Doanh nhân	8	22,2
Nhà đầu tư/nhà tài chính/ngân hàng	5	13,9
Nhà hoạch định chính sách	8	22,2
Hỗ trợ cung cấp dịch vụ	10	27,8
Nhà nghiên cứu/nhà làm giáo dục/giáo viên	5	13,9
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp*

### **3.2 Đánh giá tiềm năng khởi nghiệp An Giang qua khảo sát người trưởng thành (APS)**

Người trưởng thành tại An Giang tin tưởng vào “kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm” của bản thân để bắt đầu một hoạt động kinh doanh cao hơn so

với các nơi khảo sát khác của Việt Nam (69,6% so với 48,5%). Tuy nhiên, sự “lo sợ thất bại” làm cản trở kinh doanh lại cao hơn (trên 59,3% so với 54,6%). Hai phát biểu quan trọng liên quan đến nhìn nhận của xã hội “hầu hết mọi người nghĩ

rằng kinh doanh là một lựa chọn nghề nghiệp công có vị trí cao và được tôn trọng” đều chiếm đáng mơ ước” và “những người kinh doanh thành trên 80% (Bảng 3).

**Bảng 3. Nhận thức - văn hóa - môi trường về khởi nghiệp từ khảo sát người trưởng thành**

Tiêu chí	An Giang (%)	Việt Nam (%)
<b>Nhận thức</b>		
Nhận thấy có cơ hội	46,8	47,2
Nhận thấy có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm	69,6	48,5
Sợ thất bại	59,3	54,6
<b>Văn hóa và môi trường</b>		
Kinh doanh là lựa chọn nghề nghiệp đáng mơ ước	83,2	56,8
Kinh doanh có vị trí cao - tôn trọng	89,8	70,6
Phổ biến trên phương tiện truyền thông	75,8	82,6
Mong muốn có chung mức sống	57,9	43,3
Dễ dàng bắt đầu kinh doanh	64,2	42,4

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp*

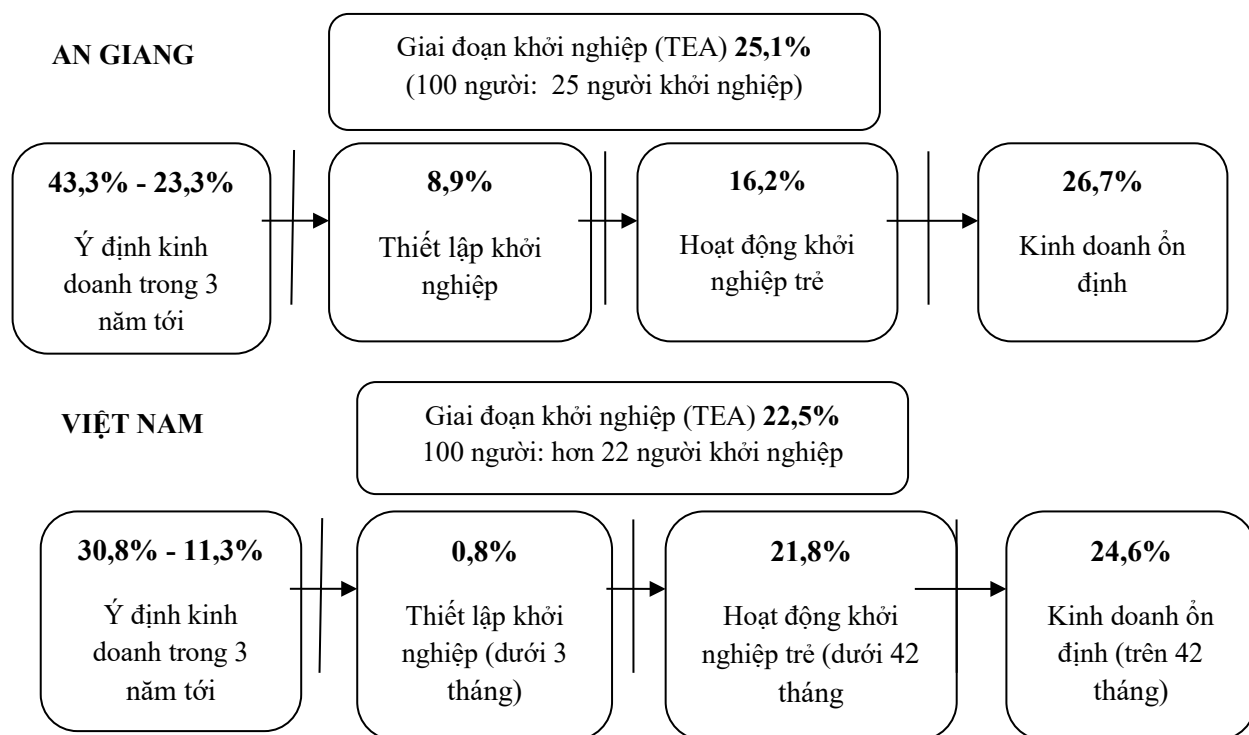
Theo quan điểm của người trưởng thành tại An Giang, giai đoạn hoạt động khởi nghiệp qua tỉ lệ TEA của An Giang (25,1%) và Việt Nam (22,5%) trong năm 2017 (Hình 2) cao hơn hẳn năm 2015 (13,7% - theo số liệu công bố VCCI, 2016). Sự gia tăng này có lẽ vì một phần ảnh hưởng của tác động bởi sự phát động “khởi nghiệp quốc gia” từ chính phủ vào năm 2016. Tại An Giang cứ khảo sát trung bình 100 người trưởng thành thì có 25 người đang trong quá trình khởi nghiệp, trong đó 9 người đang trong quá trình thiết lập khởi nghiệp (dưới 3 tháng) và 16 người trong giai đoạn làm chủ kinh doanh mới (dưới 3,5 năm) (Hình 2). Độ tuổi trong giai đoạn TEA tập trung trên 75% từ 44 tuổi trở xuống.

Động cơ khởi nghiệp là yếu tố quan trọng trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, về phương diện này, động cơ khởi nghiệp được đánh giá dựa trên 2 nhóm chỉ tiêu chính đó là dựa trên “cơ hội” hay vì “nhu cầu thiết yếu” (không còn lựa chọn công việc nào khác tốt hơn). Một người bắt đầu khởi nghiệp cho dù là để “tăng thu nhập” hay để “độc lập” vẫn là tích cực hơn (Sohns and Diez, 2018; Zhu et al., 2015) so với bắt đầu vì lý do “nhu cầu thiết yếu”. Trong cả 2 tiêu chí này thì An Giang đều thấp hơn những nơi khác tại Việt Nam kể cả nhóm khởi nghiệp thuần túy dựa trên cơ hội với động cơ là để “độc lập” hay để “tăng thu nhập cá nhân” (An Giang: 60,2% và Việt Nam 73,4%) (Bảng 4).

**Bảng 4. Động cơ khởi nghiệp tại An Giang và Việt Nam (%)**

Động cơ khởi nghiệp	An Giang	Việt Nam
Khởi nghiệp vì cơ hội	71,7	86,2
(Cơ hội: Mục đích độc lập tài chính và thu nhập cao hơn)	60,2	73,4
Khởi nghiệp vì không còn lựa chọn nào khác	24,8	13,3
Khởi nghiệp vì động cơ khác	3,5	0,5

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp*



**Hình 2. Quá trình khởi nghiệp tại An Giang và Việt Nam.**

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp*

Kết quả nghiên cứu cho thấy dự định kinh doanh trong 3 năm sắp đến của An Giang là 23,3% và của các nơi khác toàn Việt Nam là 11,3% (dữ liệu này đã loại trừ các mẫu trong giai đoạn kinh doanh từ TEA đến kinh doanh ổn định).

Tại An Giang, sau khi loại trừ số mẫu không phù hợp còn lại 105 người có ý định kinh doanh trong 3 năm tới, dữ liệu được sàng lọc tiếp với trả lời ba câu hỏi: “Trong vòng 6 tháng tới, có cơ hội kinh doanh mới nào ở khu vực bạn sinh sống hay không” - trả lời: có; “bạn có đủ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để bắt đầu kinh doanh không” - trả lời: có và “lo sợ thất bại có cản trở bạn bắt đầu kinh doanh không” - trả lời: không, để đánh giá cho tiềm năng “khả thi” khởi nghiệp trong tương lai. Số đáp ứng đủ ba điều kiện này còn 10 người (chiếm 9,5%) so với Việt Nam là 25 người trên 187 người (chiếm 13,4%). Cũng như vậy, những người “không có” tiềm năng khởi nghiệp trong tương lai (trả lời ngược lại với ba câu hỏi trên) chiếm tỷ lệ 6,7% ở An Giang và 25,1% toàn Việt Nam.

### **3.3 Đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp qua khảo sát chuyên gia (NES)**

Phân tích đánh giá của các chuyên gia (xem phụ lục 2), dữ liệu được chia làm 2 nhóm như sau:

Nhóm tiêu chí được đánh giá mạnh: Trong 5 nhóm tiêu chí được đánh giá trên 7 điểm (điểm trung bình là 5) thì có 3 nhóm tiêu chí thuộc nhân tố về chuẩn mực văn hóa - xã hội (ủng hộ những cá nhân thành công qua nỗ lực của họ - 8,1 điểm; khuyến khích tính sáng tạo và đổi mới - 7,7 điểm; đề cao tính độc lập, tự chủ và sáng kiến - 7,4 điểm) và 2 tiêu chí về nhân tố cơ sở hạ tầng (có thể có được hệ thống thông tin liên lạc tốt trong vòng một tuần - 7,8 điểm; có thể có được hệ thống thông tin liên lạc tốt với chi phí không quá đắt - 7,25 điểm).

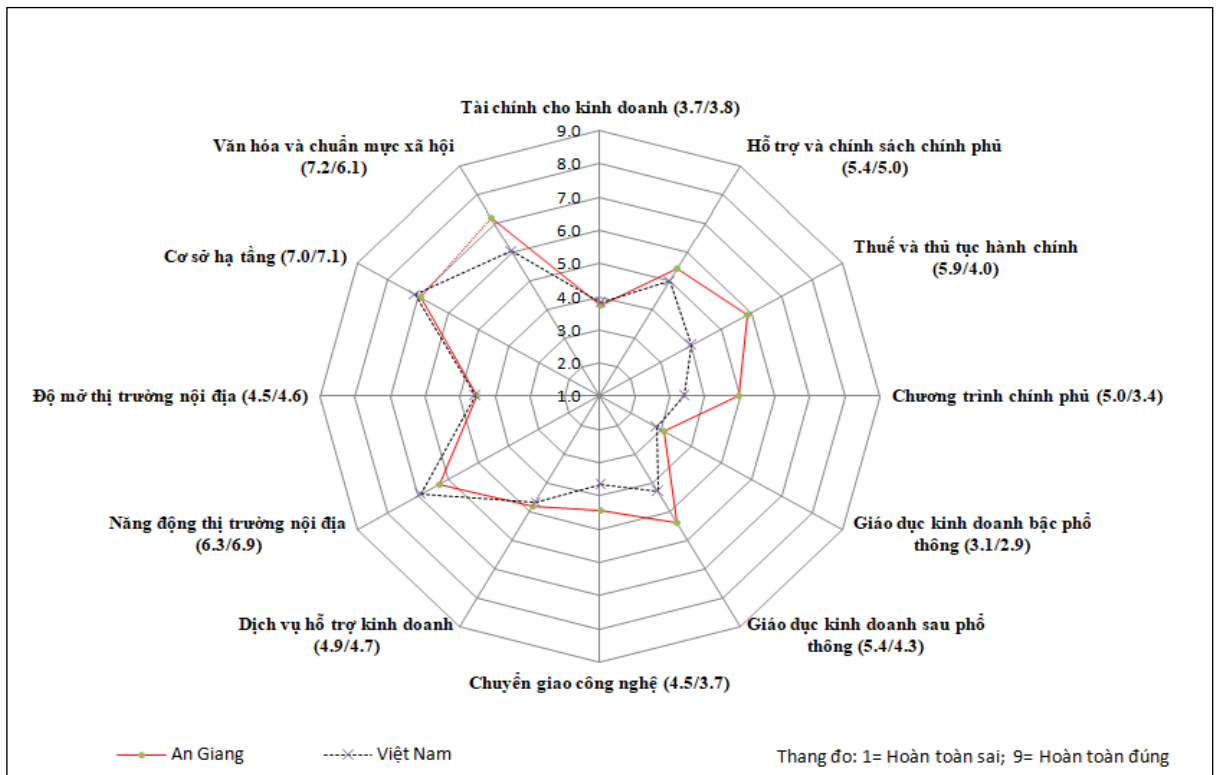
Nhóm tiêu chí được nhận định yếu: Trong tổng số 54 tiêu chí thì có đến 46,3% (25 tiêu chí) được nhận định dưới mức trung bình, trong đó: nhóm tiêu chí được nhận định yếu gồm 9 tiêu chí dưới 4 điểm bao gồm 4 tiêu chí về tài chính (nguồn vốn thông qua IPO - 2,0 điểm; nguồn vốn đầu tư mạo

hiêm - 2,3 điểm; tài trợ từ nhà đầu tư cá nhân - 3,5 điểm; chính phủ có đủ nguồn vốn để trợ cấp - 3,8 điểm); 2 tiêu chí về giáo dục bậc phổ thông (hướng dẫn các nguyên tắc kinh tế thị trường - 2,3 điểm; quan tâm đúng mức đến khởi sự và kinh doanh - 2,5 điểm); 2 tiêu chí trong chuyển giao công nghệ (đủ điều kiện để áp dụng công nghệ mới nhất - 3,9 điểm; hỗ trợ hiệu quả từ các cơ sở khoa học và công nghệ - 3,9 điểm) và cuối cùng là tiêu chí “các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có đủ khả năng chi trả các chi phí sử dụng các nhà thầu phụ, nhà cung cấp và nhà tư vấn” - 3,7 điểm trong nhân tố dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

Hình 3 thể hiện 9 trụ cột của hệ sinh thái khởi nghiệp tại An Giang qua đánh giá của các chuyên gia trong năm 2017, nhìn chung, các chuyên gia có góc nhìn “lạc quan” hơn so với bức tranh tổng thể của Việt Nam. Các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến môi trường khởi nghiệp An Giang được chuyên gia địa phương đánh giá cao hơn so với

mức trung bình của Việt Nam (ngoại trừ nhân tố mức năng động thị trường, cơ sở hạ tầng và chênh lệch không đáng kể về nhân tố độ mở thị trường; tài chính).

Tương tự bối cảnh chung, nhân tố tài chính và giáo dục bậc phổ thông là hai nhóm cản ngại đến môi trường khởi nghiệp tại An Giang. Trong đó, yếu tố liên quan đến tài chính mà chuyên gia nhận định yếu gồm: Có sẵn nguồn vốn thông qua phát hành cổ phiếu lần đầu; nguồn vốn đầu tư mạo hiểm; nguồn vốn từ chính phủ; nhà đầu tư cá nhân. Cũng như vậy, mặc dù tiêu chí “có đủ điều kiện để áp dụng công nghệ mới nhất” - 3,9 điểm; “có đủ khả năng chịu được các chi phí thâm nhập thị trường” - 4,1 điểm, không được xếp vào nhân tố tài chính nhưng để làm được điều này thì đảm bảo tài chính là yếu tố tiên quyết mà các doanh nghiệp mới khởi sự và đang phát triển cần phải có. Yếu tố còn lại liên quan đến giáo dục gồm: Hướng dẫn quy tắc kinh tế thị trường và quan tâm đúng mức khởi sự và kinh doanh.



Hình 3. Hệ sinh thái khởi nghiệp An Giang và Việt Nam năm 2017

Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp



#### 4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Qua kết quả phân tích ở các phần trên cho thấy bức tranh tổng quát của hệ sinh thái khởi nghiệp tại An Giang. Mặc dù tỉ lệ giai đoạn đầu khởi nghiệp của An Giang cao hơn mức chung của cả nước nhưng động cơ khởi nghiệp (vì cơ hội hoặc không còn lựa chọn nào khác) lại là điểm yếu. Điều này cũng tương tự với tỉ lệ khởi nghiệp tiềm năng trong tương lai. Dưới góc độ đánh giá từ các chuyên gia, những điểm tương đồng mà các chuyên gia đánh giá chung cho cả nước và các chuyên gia địa phương đánh giá riêng cho An Giang đều cho thấy 2 nhân tố về tài chính cho khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp bậc phổ thông là hai rào cản trong hệ sinh thái hiện nay. Ngược lại, những điểm mạnh mà các chuyên gia đều đồng tình gồm mức độ năng động thị trường nội địa; cơ sở hạ tầng và văn hóa - chuẩn mực xã hội đối với khởi nghiệp.

Trên những cơ sở này, một số khuyến nghị để cải thiện môi trường khởi nghiệp tại An Giang nên quan tâm đến một số nhóm chính sách sau:

Vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp và đang phát triển: Hiện nay, cơ sở pháp lý ban đầu đã được ban hành nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho khởi nghiệp, đây là điều kiện thuận lợi để hình thành các nguồn vốn đầu tư khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm, quỹ tín dụng... từ các nguồn vốn khác nhau không chỉ từ ngân sách nhà nước mà còn đến từ cộng đồng doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp lớn), cộng đồng dân cư hay cá nhân.

Giáo dục và đào tạo: Thay đổi môi trường và cách tiếp cận trong hệ thống giáo dục khởi nghiệp bậc phổ thông là cần thiết. Cách giáo dục tư duy và sáng tạo cần thay thế cách dạy và học thụ động mang nặng tính áp đặt. Những kiến thức cơ bản nhất về thị trường cũng nên đưa vào chương trình trung học phổ thông qua các buổi ngoại khóa hay bằng một môn học chính thức. Hiện nay, chính phủ đã phê duyệt Đề án 1665 liên quan đến khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục và cũng đã có công văn chỉ đạo cho các cơ sở giáo dục đại học bổ sung nội dung khởi nghiệp vào chương trình

giảng dạy, điều này có đẩy mạnh “sân chơi” cho những sinh viên có ý tưởng về khởi nghiệp.

Các chính sách về khởi nghiệp từ Trung ương đến địa phương cần rõ ràng, chi tiết và đồng bộ nhằm tạo điều kiện để thực thi hóa. Mỗi địa phương sẽ có những đặc thù riêng, do vậy những chính sách đưa ra cần thông thoáng, có độ mở cần thiết để tận dụng được lợi thế tại địa phương. Ban hành các chính sách ưu tiên cho khởi sự doanh nghiệp và tạo doanh nghiệp mới là điều kiện cần thiết nhằm cải thiện môi trường khởi nghiệp.

Trên địa bàn tỉnh, chính quyền cần tạo một đầu mối duy nhất liên quan đến khởi nghiệp và doanh nghiệp mới để người tham gia khởi nghiệp có thể tiếp cận mọi thông tin liên quan (chính sách, vốn, tư vấn, thủ tục pháp lý, thông tin về thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực, đối thoại định kỳ...) được kịp thời và tránh chồng chéo qua quá nhiều cơ quan.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền cần phổ biến rộng rãi tránh tình trạng theo phong trào hoặc “ảo tưởng” về khởi nghiệp. Tiếp tục, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường kinh doanh, cơ sở vật chất cho các “vườn ươm doanh nghiệp”. Đẩy mạnh hợp tác chuyển giao nghiên cứu giữa các viện nghiên cứu, trường đại học ra ngoài môi trường kinh doanh hướng đến tính sáng tạo và khả năng nhân rộng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- Acs, Z. J., Szerb, L.& Lloyd, A. (2017). Enhancing Entrepreneurial Ecosystems: A GEI Approach to Entrepreneurship Policy *Global Entrepreneurship and Development Index 2017*. Cham: Springer International Publishing.
- Acs, Z. J., Desai, S. & Klapper, L. F. (2008). What does “entrepreneurship” data really show?. *Small Business Economics*, 31, 265-281.
- Alvedalen, J.& Boschma, R. (2017). A critical review of entrepreneurial ecosystems research:

- towards a future research agenda. *European Planning Studies*, 25, 887-903.
- Global Entrepreneurship Research Association. (2018). *Global entrepreneurship monitor 2017/18 global report*. GERA.
- Malecki, E.J. (2018). Entrepreneurship and entrepreneurial ecosystems. *Geography Compass*, 12(3), e12359. Doi: 10.1111/gec3.12359.
- Mason, C. & Brown, R. (2014). *Entrepreneurial ecosystems and growth oriented entrepreneurship*. Background paper prepared for the workshop organised by the OECD LEED Programme and the Dutch Ministry of Economic Affairs on Entrepreneurial Ecosystems and Growth Oriented Entrepreneurship, The Hague, Netherlands
- Roundy, P. T., Bradshaw, M. & Brockman, B. K. (2018). The emergence of entrepreneurial ecosystems: A complex adaptive systems approach. *Journal of Business Research*, 86, 1-10.
- Kelly, D., Singer, S. & Herrington, M. (2016). *Global entrepreneurship monitor 2015/2016 global report*. GERA
- Sohns, F., & Diez, J. R. (2018). Explaining micro entrepreneurship in rural Vietnam—a multilevel analysis. *Small Business Economics*, 50, 219-237. Doi: 10.1007/s11187-017-9886-2.
- Stam, E. (2015). Entrepreneurial Ecosystems and Regional Policy: A Sympathetic Critique. *European Planning Studies*, 23, 1759-1769. Doi: 10.1080/09654313.2015.1061484
- VCCI. (2016). *Report global entrepreneurship monitor Vietnam 2015/16*. Hanoi, Vietnam: Publishing House of Transport.
- Zhu, L., Kara, O., Chu, H. M. & Chu, A. (2015). Female entrepreneurship: Evidence from Vietnam. *Journal of Business and Entrepreneurship*, 26, 103-128.



**PHỤ LỤC 2**

**Phụ lục 2.** Đánh giá chuyên gia về môi trường khởi nghiệp tại An Giang

Các tiêu chí đánh giá	Trung bình
<b>Tài chính</b>	
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có thể huy động được đủ vốn từ các nguồn tự có.	4.39 (2.15) <sup>(1)</sup>
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có thể huy động được đủ vốn từ các nguồn đi vay.	5.30 (1.93)
Chính quyền tỉnh có đủ nguồn vốn trợ cấp cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	3.76 (2.45)
Có sẵn nguồn vốn từ các nhà đầu tư không chính thức (gia đình, bạn bè và đồng nghiệp) là cá nhân (ngoài thành viên sáng lập) cho các doanh nghiệp mới và phát triển.	5.31 (2.14)
Có sẵn tài trợ từ các nhà đầu tư cá nhân (Business Angels funding) cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	3.45 (2.00)
Có sẵn nguồn vốn đầu tư mạo hiểm cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	2.29 (1.83)
Có sẵn nguồn vốn thông qua IPO (phát hành cổ phiếu lần đầu).	2.03 (1.43)
Có sẵn nguồn vốn từ các quỹ cho vay tư nhân (quỹ huy động vốn từ cộng đồng) cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	4.91 (2.69)
<b>Chính sách của chính phủ</b>	
Các chính sách của Chính quyền tỉnh (ví dụ: mua sắm công) luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mới khởi sự.	4.56 (2.51)
Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển luôn là một ưu tiên đặc biệt đối với Chính quyền Tỉnh.	5.79 (2.43)
Chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển luôn được các quận huyện, sở ngành ưu tiên đặc biệt.	5.69 (2.41)

(<sup>1</sup>) Số trong ngoặc đơn là độ lệch chuẩn

Doanh nghiệp mới khởi sự có thể nhận được hầu hết các giấy phép trong vòng một tuần.	6.12	(2.13)
Số tiền thuế phải đóng không phải là một gánh nặng cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	4.82	(2.65)
Thuế và các chính sách khác của Chính quyền tỉnh đối với các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển được áp dụng một cách nhất quán và có thể dự đoán được.	6.21	(2.01)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển không quá khó khăn trong việc nắm bắt những quy định, yêu cầu về giấy phép và thủ tục hành chính của Chính quyền tỉnh.	6.33	(2.53)

---

**Phụ lục 2.** Đánh giá chuyên gia về môi trường khởi nghiệp tại An Giang (t.theo)

---

Các tiêu chí đánh giá	Trung bình	
<b>Chương trình của chính phủ</b>		
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có thể tiếp cận hàng loạt các hỗ trợ của tỉnh thông qua một cơ quan duy nhất.	4.23	(2.73)
Công viên khoa học và vườn ươm doanh nghiệp hỗ trợ hiệu quả cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	4.24	(2.44)
Chính quyền tỉnh có đầy đủ các chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	5.31	(1.99)
Những cán bộ làm việc cho các cơ quan của Chính quyền tỉnh có đủ năng lực và hỗ trợ hiệu quả các DN mới khởi sự và DN đang phát triển.	5.09	(1.80)
Hầu hết những người cần giúp đỡ từ các chương trình hỗ trợ của Chính quyền tỉnh để khởi sự doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp đều có thể tìm thấy những điều họ cần.	4.87	(2.26)
Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển của Chính quyền tỉnh rất hiệu quả	5.14	(1.82)
<b>Giáo dục và đào tạo</b>		
Giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở khuyến khích sự sáng tạo, tự tin và tính chủ động.	4.67	(2.00)
Giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở hướng dẫn đầy đủ các nguyên tắc kinh tế thị trường.	2.33	(1.51)
Giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở tạo sự quan tâm đúng mức đến kinh doanh và việc khởi sự các doanh nghiệp mới.	2.52	(1.66)
Các trường cao đẳng và đại học cung cấp đầy đủ kiến thức chuẩn bị cho việc khởi sự doanh nghiệp mới và phát triển các doanh nghiệp.	5.28	(1.75)

Các trường đào tạo về kinh doanh và quản trị hướng dẫn tốt và đầy đủ sự chuẩn bị cho việc khởi sự doanh nghiệp mới và phát triển các doanh nghiệp.	5.79	(1.67)
Hệ thống giáo dục dạy nghề, chuyên nghiệp hướng dẫn tốt và đầy đủ sự chuẩn bị cho việc khởi sự doanh nghiệp mới và phát triển các doanh nghiệp.	5.21	(1.82)
<b>Chuyên giao nghiên cứu và phát triển</b>		
Công nghệ mới, khoa học và các kiến thức khác được các trường đại học và trung tâm nghiên cứu chuyển giao hiệu quả cho các doanh nghiệp khởi sự mới và doanh nghiệp đang phát triển.	4.85	(1.56)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có thể tiếp cận các nghiên cứu và công nghệ mới đầy đủ như các doanh nghiệp lớn.	4.69	(2.18)

**Phụ lục 2. Đánh giá chuyên gia về môi trường khởi nghiệp tại An Giang (t.theo)**

Các tiêu chí đánh giá	Trung bình	
<b>Chuyên giao nghiên cứu và phát triển</b>		
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có đủ điều kiện để áp dụng công nghệ mới nhất	3.94	(1.84)
Chính phủ hỗ trợ đầy đủ cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển trong việc tiếp cận được công nghệ mới.	4.94	(1.97)
Các cơ sở khoa học và công nghệ hỗ trợ hiệu quả cho việc tạo ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư mạo hiểm ít nhất là trong một lĩnh vực nào đó.	3.87	(1.98)
Có sự hỗ trợ cho các kỹ sư, các nhà khoa học trong việc thương mại hóa ý tưởng của họ thông qua các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	5.03	(2.26)
<b>Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh</b>		
Có đủ các nhà thầu phụ, các nhà cung cấp và các nhà tư vấn để hỗ trợ cho các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển.	4.45	(2.14)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có đủ khả năng chi trả các chi phí sử dụng các nhà thầu phụ, nhà cung cấp và nhà tư vấn.	3.71	(1.75)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển dễ dàng tìm được các nhà thầu phụ, nhà cung cấp và nhà tư vấn tốt.	4.15	(2.05)

Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển dễ dàng có được các dịch vụ pháp lý và dịch vụ kế toán tốt, chuyên nghiệp.	5.09	(1.90)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển dễ dàng có được các dịch vụ ngân hàng tốt (kiểm tra tài khoản, các giao dịch ngoại hối, thư tín dụng, vv...).	6.91	(2.07)
Độ mở thị trường trong nước		
Thị trường hàng hoá tiêu dùng và dịch vụ biến động mạnh hàng năm (thị trường doanh nghiệp tới người tiêu dùng).	6.56	(1.98)
Thị trường hàng hoá công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (thị trường doanh nghiệp tới doanh nghiệp) biến động mạnh hàng năm.	6.07	(1.69)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có thể dễ dàng gia nhập vào các thị trường mới.	5.08	(2.47)
Các doanh nghiệp mới khởi sự và doanh nghiệp đang phát triển có đủ khả năng chịu được các chi phí thâm nhập thị trường.	4.11	(1.89)

---